

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 33/NH-TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 1989

THÔNG TƯ

SỐ 33/NH-TT NGÀY 15-3-1989 CỦA NGÂN HÀNG

NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HƯỚNG DẪN THI HÀNH ĐIỀU LỆ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI CỦA NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ
HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Điều lệ quản lý ngoại hối của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kèm theo Nghị định số 161-HĐBT ngày 18/10/1988; Căn cứ vào Điều 3 của Nghị định, Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành Điều lệ quản lý ngoại hối của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam như sau:

1. VỀ PHẠM VI QUẢN LÝ NGOẠI HỐI

(Điều 1, 2, 3)

Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện thống nhất quản lý Nhà nước về ngoại hối và kinh doanh ngoại hối. Mọi việc kinh doanh ngoại hối đều được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam là cơ quan được phép kinh doanh ngoại hối. Ngoài ra, các Ngân hàng chuyên doanh khác, các Ngân hàng liên doanh với nước ngoài, các chi nhánh Ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, các tổ chức kinh tế trong nước muốn kinh doanh ngoại hối hoặc dịch vụ thu ngoại tệ (kể cả kinh doanh dịch vụ thu ngoại tệ tiền mặt) đều phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Trung ương cho phép.

Việc lưu thông ngoại tệ trong nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam chỉ được thực hiện qua các Ngân hàng và các tổ chức kinh doanh, dịch vụ được phép thu ngoại tệ nói trên.

Nghiêm cấm việc mua, bán, trao đổi ngoại tệ trên thị trường tự do.

Ngoại hối quy định trong Điều lệ bao gồm:

a) Các loại tiền nước ngoài bao gồm tiền giấy, tiền bằng kim loại còn hiệu lực lưu hành, các loại phiếu, các phương tiện chi trả được ghi bằng tiền nước ngoài như công trái Nhà nước,

phiếu kho bạc, trái phiếu, hối phiếu, cổ phiếu, ngân phiếu, phiếu lợi tức, séc thường, séc lữ hành, thư tín dụng lữ hành, lệnh trả tiền, giấy nhận nợ và các giấy chứng nhận tiền gửi Ngân hàng, tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi bưu điện (dưới đây gọi tắt là ngoại tệ).

Riêng đối với những loại giấy tờ chỉ có giá trị thanh toán và sử dụng bằng ngoại tệ ở nước ngoài chưa áp dụng tại Việt Nam như thẻ tín dụng (Credit Card)... thì chưa thuộc phạm vi quản lý ngoại hối theo quy định trong Thông tư này.

b) Kim loại quý, đá quý khi được mang hoặc chuyển ra nước ngoài và từ nước ngoài mang hoặc chuyển vào Việt Nam bao gồm: vàng, bạc và các loại kim loại thuộc nhóm bạch kim (platin, pa-la-di, I-ri-di, Ru-te-ni, Os-mi) ở thể nguyên chất hay hợp kim dưới dạng thỏi, nén, khối, lá, hột, mảnh vụn, bột, dung dịch hay đã làm thành các loại tư trang, vật dụng thí nghiệm, đồ dùng gia đình và cá nhân, tác phẩm văn hoá nghệ thuật, vật lưu niệm, đồng tiền cũ không có giá trị lưu hành; đá quý gồm kim cương, nhóm Ru-bi, Sa-phia còn nguyên thể hoặc đã chế biến.

2. VỀ ĐỐI TƯỢNG QUẢN LÝ NGOẠI HỐI

(điều 4)

Điều lệ quản lý ngoại hối được áp dụng cho các đối tượng sau đây:

a) Các tổ chức và công dân Việt Nam ở trên lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài bao gồm:

- Các cơ quan, tổ chức kinh tế và xã hội của Việt Nam có trụ sở và địa điểm làm việc tại Việt Nam;
- Các công dân Việt Nam sinh sống tại Việt Nam và công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài;
- Các đại sứ quán, lãnh sự quán, Thương vụ và các cơ quan đại diện khác của Việt Nam đặt ở nước ngoài. Công dân Việt Nam đang công tác, lao động, học tập, du lịch, chữa bệnh, thăm viếng ... ở nước ngoài.
- Các tổ chức liên doanh của Việt Nam với nước ngoài hoạt động theo Luật đầu tư của Việt Nam.

b) Các tổ chức và công dân nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam bao gồm:

- Các Đại sứ quán, lãnh sự quán, Thương vụ, các tổ chức quốc tế, các cơ quan đại diện thường trú khác của nước ngoài tại Việt Nam; công dân nước ngoài đang công tác, học tập, du lịch, chữa bệnh, thăm viếng tại Việt Nam;

- Các tổ chức và công dân nước ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh và sinh sống tại Việt Nam.

3. VỀ KẾ HOẠCH NGOẠI TỆ

(Điều 5)

Nhà nước quản lý ngoại tệ theo kế hoạch. Các Ngành, địa phương và đơn vị kinh tế có thu chi ngoại tệ phải lập kế hoạch gửi các cơ quan theo quy định của Ủy ban kế hoạch Nhà nước, Ủy ban kế hoạch Nhà nước tổng hợp kế hoạch ngoại tệ của cả nước và lập bảng cân đối thu chi ngoại tệ trình Hội đồng Bộ trưởng.

Các đơn vị có ngoại tệ gửi tại Ngân hàng cần lập dự trữ thu hoặc chi ngoại tệ theo quý và năm gửi Ngân hàng nơi mở tài khoản ngoại tệ để Ngân hàng chủ động phục vụ và giải quyết cho đơn vị. Ngân hàng có trách nhiệm chi ngoại tệ theo lệnh của chủ tài khoản đúng với chế độ quy định của Nhà nước.

Đối với ngoại tệ thuộc quỹ ngoại tệ tập trung của Nhà nước gửi vào tài khoản tại Ngân hàng thì kế hoạch chi phải được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng duyệt. Bộ tài chính là chủ tài khoản ngoại tệ tập trung của Nhà nước, là cơ quan tổ chức hạch toán, quản lý và điều hành thực hiện kế hoạch thu chi ngoại tệ tập trung của Nhà nước.

Ngân hàng ngoại thương được Ngân hàng Nhà nước uỷ quyền thực hiện kế hoạch thu, chi ngoại tệ về phương diện quỹ và thực hiện thanh toán quốc tế giữa nước ta với nước ngoài. Đối với các Ngân hàng khác khi thực hiện thanh toán quốc tế phải được Ngân hàng Nhà nước Trung ương cho phép.

4. VỀ VIỆC CHUYỂN NGOẠI TỆ VÀO VÀ RA KHỎI VIỆT NAM

(điều 6)

a) Việc chuyển ngoại tệ từ nước ngoài vào Việt Nam dưới các hình thức (ngoại tệ mang theo người, ngoại tệ chuyển qua Ngân hàng, Bưu điện hay các hình thức khác...) được khuyến khích và không hạn chế.

b) Công dân nước ngoài và công dân Việt Nam khi nhập cảnh cũng như xuất cảnh đều phải khai theo tờ khai Hải quan tại cửa khẩu về số ngoại tệ mang theo người (Không phải xuất trình) trừ trường hợp được miễn khai theo quy định của Nhà nước. Trường hợp có nghi vấn thì Hải quan yêu cầu kiểm tra đúng với chức năng của Hải quan.

c) Công dân nước ngoài và công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài được mang hoặc chuyển ra nước ngoài số ngoại tệ còn lại sau khi đã chi tiêu tại Việt Nam.

d) Đối với công dân Việt Nam có ngoại tệ mang ra nước ngoài khi xuất cảnh thì phải có giấy phép của Ngân hàng ngoại thương hoặc Ngân hàng khác do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

5. VỀ MUA, BÁN, CHUYỂN NHƯỢNG VÀ GỬI NGOẠI TỆ TẠI NGÂN HÀNG

(điều 7, 8)

a) Các tổ chức và công dân Việt Nam có ngoại tệ từ nguồn thu xuất khẩu và kinh doanh dịch vụ (kể cả trường hợp nhượng bán vật tư, sản phẩm) đều phải gửi vào tài khoản của mình tại Ngân hàng Ngoại thương hoặc Ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép (gọi tắt là Ngân hàng được uỷ quyền). Sau khi đã làm nghĩa vụ về ngoại tệ cho Nhà nước theo quy định thì số ngoại tệ còn lại gửi tại Ngân hàng được hưởng lãi bằng ngoại tệ theo lãi suất do Ngân hàng ngoại thương hoặc Ngân hàng được uỷ quyền công bố trong phạm vi khung lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Trung ương. Chủ tài khoản được sử dụng số ngoại tệ trên tài khoản của mình để thanh toán tiền hàng nhập khẩu, chi trả các khoản dịch vụ, bán cho Ngân hàng hay sử dụng vào các mục đích khác theo đúng chế độ của Nhà nước quy định. Khi chuyển nhượng cho tổ chức hoặc cá nhân thì người được hưởng phải có tài khoản ngoại tệ tại Ngân hàng (nếu chưa có thì xin mở tài khoản theo quy định và hướng dẫn của Ngân hàng Ngoại thương hoặc Ngân hàng được uỷ quyền). Các tổ chức không được thanh toán trực tiếp cho nhau bằng ngoại tệ tiền mặt.

Trong trường hợp đặc biệt, các tổ chức và đơn vị kinh tế cần mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài thì phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Trung ương cho phép và định kỳ hàng quý phải báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Trung ương (Vụ kinh tế đối ngoại) về tình hình thu chi ngoại tệ trên các tài khoản đó.

b) Các tổ chức và công dân Việt Nam khi có nhu cầu chi ngoại tệ để phục vụ sản xuất, kinh doanh hoặc đi công tác, học tập, lao động ở nước ngoài được thủ trưởng Bộ, Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương xác nhận thì Ngân hàng Ngoại thương hoặc Ngân hàng được uỷ quyền xem xét bán một số ngoại tệ cần thiết theo tỷ giá kinh doanh tại thời điểm bán ngoại tệ. Công dân Việt Nam khi được phép xuất cảnh để

giải quyết việc riêng (du lịch, chữa bệnh, thăm viếng) thì có thể được mua một số ngoại tệ cần thiết theo tỷ giá kinh doanh. Thủ tục mua, bán ngoại tệ theo quy định và hướng dẫn của Ngân hàng ngoại thương hoặc Ngân hàng được uỷ quyền.

6. VỀ VAY NGOẠI TỆ VÀ BẢO LĨNH VAY NGOẠI TỆ

(điều 9)

Các tổ chức và công dân Việt Nam có nhu cầu vay ngoại tệ để phục vụ sản xuất, kinh doanh đã được thủ trưởng Bộ, Ngành hay Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu xác nhận trên phương án sản xuất, kinh doanh thì được Ngân hàng ngoại thương hay Ngân hàng được uỷ quyền xem xét cho vay ngoại tệ hoặc bảo lãnh vay ngoại tệ theo chế độ cho vay ngoại tệ và quy chế bảo lãnh vay ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Trung ương quy định. Trường hợp tổ chức và đơn vị kinh tế được các cơ quan có thẩm quyền cho phép trực tiếp vay nước ngoài dưới hình thức tín dụng thương mại thì định kỳ vào cuối mỗi quý phải báo cáo cho Ngân hàng ngoại thương nơi có quan hệ về tình hình vay và trả nợ.

7. VỀ TRAO ĐỔI HÀNG HOÁ THEO PHƯƠNG THỨC "HÀNG ĐỔI HÀNG"

(điều 10)

Các tổ chức và đơn vị kinh tế được các cơ quan có thẩm quyền cho phép trao đổi hàng hoá với nước ngoài theo phương thức "hàng đổi hàng" và thanh toán bù trừ thì định kỳ vào cuối mỗi quý phải báo cáo cho Ngân hàng Ngoại thương nơi có quan hệ trị giá bằng ngoại tệ của hàng hoá đã trao đổi và số ngoại tệ đã thanh toán bù trừ.

8. VỀ SỬ DỤNG NGOẠI TỆ CỦA CÔNG DÂN VIỆT NAM

(điều 11)

Công dân Việt Nam có ngoại tệ không kể nguồn gốc đều có thể được sử dụng.

- a) Bán cho Ngân hàng ngoại thương hoặc Ngân hàng được uỷ quyền theo tỷ giá kinh doanh tại thời điểm mua ngoại tệ.
- b) Mua hàng tại các cửa hàng được phép bán hàng mua ngoại tệ hoặc chi trả các dịch vụ cho các tổ chức hoặc cá nhân được phép thu ngoại tệ.
- c) Gửi vào tài khoản tiền gửi bằng ngoại tệ không kỳ hạn hoặc có kỳ hạn tại Ngân hàng ngoại thương hoặc Ngân hàng được uỷ quyền và được hưởng lãi bằng ngoại tệ theo lãi suất do các